



HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯỜNG

Name:

Class:

Date:

I. Vocabulary:

				
1. Potato: khoai tây	2. Cabbage: cải bắp	3. Corn: bắp ngô	4. Tomato: cà chua	5. It's time: đến lúc

II. Structure:

Add brown potatoes to the soup.

Add purple cabbages to the soup.

Add yellow corn to the soup.

Add red tomatoes to the soup.

It's time to eat.

WORKSHEET

EXERCISE 1: Listen and choose (*Nghe và chọn vào bức tranh đúng*)

1. 		2. 		3. 	
4. 		5. 		6. 	

HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯỜNG

Add 1: số 17A – Lô 2 – Dền Lũ 2

Add 2: 36B – Lô 2 – Dền Lũ 2

Phone: 083.972.8688/ 0976.420.688

Fanpage: <https://www.facebook.com/co.huong.den.lu>

 **LIVEWORKSHEETS**

EXERCISE 2: Look and choose the correct word (Nhìn tranh và chọn đáp án đúng)

1. 	Carrot	Bean	onion
2. 	potato	Make a soup	soup
3. 	Make a soup	onion	Corn
4. 	Onion	cabbage	Red onion

EXERCISE 3: Find the incorrect words: (Tìm từ sai và viết lại)

	1. Add green potatoes to the soup. _____
	2. Add green cabbages to the soup _____
	3. Add yellow potatoes to the soup. _____
	4. Add red potatoes to the soup _____

EXERCISE 4: Rearrange the letter (sắp xếp chữ cái tạo thành từ hoàn chỉnh)

o r n c	1. _____
n i o n o	2. _____
o r t a c r	3. _____
a g c e b a b	4. _____
a m o t o t	5. _____

EXERCISE 5: Read and match (đọc và nối)



Bean

Tomato

Onion

Carrot

Cabbage

Potato

EXERCISE 6: Rearrange the words to complete the sentence (sắp xếp để hoàn thành câu)

1. make/soup/Let's/a/!

2. brown/Add/the/to/potatoes/soup/.

3. cabbages/the/to/Add/purple/soup/.

4. tomatoes/Add/to/red/soup/the/.